

Công ty CP LẮP MÁY-
Thí Nghiệm Cơ Điện

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 116/EMETC

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2023

V/v: BCTC Bán niên soát xét
năm 2023

Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội

Tên công ty: CTCP Lắp máy – Thí Nghiệm Cơ Điện

Mã chứng khoán: LCD

Địa chỉ trụ sở chính: 434-436 đường Nguyễn Trãi – Phường Trung Văn – Quận Nam
Từ Liêm – TP Hà Nội.

1. Điện thoại: 024.35543839 Fax: 024.35543790
2. Người Thực hiện công bố thông tin: **Vũ Hoàng Tùng**
3. Nội dung của thông tin công bố: Báo cáo tài chính bán niên soát xét năm 2023 của Công ty CP LẮP MÁY – Thí Nghiệm Cơ Điện được lập ngày 11/08/2023 bao gồm: BCĐKT; BCKQSXKD; BCLCTT; TMBCTC
4. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: www.emetc.com.vn

Công ty chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: TCKT



VŨ HOÀNG TÙNG

CÔNG TY CỔ PHẦN LẮP MÁY – THÍ NGHIỆM CƠ ĐIỆN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO GIAI ĐOẠN TỪ 01/01/2023 ĐẾN 30/06/2023



Tháng 8 năm 2023

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 29

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm Cơ điện (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét cho giai đoạn từ 01/01/2023 đến 30/06/2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Văn Định	Chủ tịch
Ông Hoàng Văn Lít	Thành viên
Ông Nguyễn Sỹ Thành	Thành viên
Ông Vũ Hoàng Tùng	Thành viên
Ông Vũ Anh Tuấn	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Hoàng Văn Lít	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thành Đại	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Sỹ Thành	Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Ông Vũ Hoàng Tùng

Ban Kiểm soát

Ông Lê Tuấn Anh	Trưởng ban
Bà Lê Thúy Hồng	Thành viên
Bà Trần Thị Điệp	Thành viên

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có bất cứ sự kiện nào xảy ra sau ngày 30/06/2023 có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 của Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính của Công ty cho giai đoạn từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn từ 01/01/2023 đến 30/06/2023.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng: Công ty đã tuân thủ và không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Hoàng Văn Lít
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2023

Số: 829/2023/UHY-BCSX

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Công ty Lắp máy - Thí nghiệm Cơ điện

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm Cơ điện (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 11/8/2023, từ trang 06 đến trang 29 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30/06/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng thích hợp liên quan để có thể đánh giá được tính hiện hữu, chính xác, đầy đủ, giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần trích lập đối với khoản mục hàng tồn kho tại ngày 30/06/2023 với giá trị 23,195 tỷ đồng (tại ngày 01/01/2023 là 23,38 tỷ đồng) cũng như ảnh hưởng đến các khoản mục có liên quan trên Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 của Công ty hay không.

Kết luận ngoại trừ

Trên cơ sở công việc soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ", chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2023 và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022 đã được soát xét bởi một Công ty kiểm toán khác và Công ty kiểm toán này đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần vào ngày 11/8/2022.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán khác và Công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến ngoại trừ vào ngày 10/04/2023 do không đánh giá được tính hiện hữu, chính xác, đầy đủ cũng như giá trị dự phòng hàng tồn kho cần trích lập đối với số dư hàng tồn kho tại 01/01/2022 và 31/12/2022, vấn đề này tiếp tục ảnh hưởng đến báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2023, như mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ” trên đây.



Phạm Gia Đạt

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0798-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30/06/2023

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		108.495.247.415	110.329.708.841
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	4.144.228.203	2.299.221.132
Tiền	111		4.144.228.203	2.299.221.132
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		81.015.191.799	86.653.679.182
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	63.934.373.039	73.630.809.495
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	11.891.757.387	11.895.271.407
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	8.649.102.856	4.587.639.763
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(3.460.041.483)	(3.460.041.483)
Hàng tồn kho	140	9	23.191.637.070	21.376.808.527
Hàng tồn kho	141		23.195.153.070	21.380.324.527
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.516.000)	(3.516.000)
Tài sản ngắn hạn khác	150		144.190.343	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		144.190.343	-
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		20.382.551.055	21.285.582.238
Tài sản cố định	220		19.758.687.886	20.664.976.619
Tài sản cố định hữu hình	221	10	3.491.061.509	4.397.350.242
- Nguyên giá	222		44.718.123.040	44.718.123.040
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(41.227.061.531)	(40.320.772.798)
Tài sản cố định vô hình	227	11	16.267.626.377	16.267.626.377
- Nguyên giá	228		16.267.626.377	16.267.626.377
Đầu tư tài chính dài hạn	250		500.000.000	500.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		500.000.000	500.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		123.863.169	120.605.619
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	123.863.169	120.605.619
TỔNG TÀI SẢN	270		128.877.798.470	131.615.291.079

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
Tại ngày 30/06/2023

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		98.496.657.490	100.620.025.043
Nợ ngắn hạn	310		98.496.657.490	100.325.015.043
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	3.907.950.163	4.480.855.309
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.430.245	156.478.170
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	744.768.614	1.146.988.728
Phải trả người lao động	314		1.929.157.571	2.525.602.830
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	8.038.746.061	8.129.792.130
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	540.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	30.285.673.429	30.618.805.771
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	53.575.255.830	52.726.492.105
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		12.675.577	-
Nợ dài hạn	330		-	295.010.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	17	-	295.010.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		30.381.140.980	30.995.266.036
Vốn chủ sở hữu	410	18	30.381.140.980	30.995.266.036
Vốn góp của chủ sở hữu	411		15.000.000.000	15.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		15.000.000.000	15.000.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		740.110.441	740.110.441
Cổ phiếu quỹ	415		(544.500)	(544.500)
Quỹ đầu tư phát triển	418		9.211.343.620	9.179.654.679
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.430.231.419	6.076.045.416
- LNST lũy kế đến cuối năm trước	421a		6.031.680.898	5.949.289.650
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(601.449.479)	126.755.766
TỔNG NGUỒN VỐN	440		128.877.798.470	131.615.291.079

Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2023

Người lập biểu

Lê Thị Chi

Kế toán trưởng

Vũ Hoàng Tùng

Tổng Giám đốc



Hoàng Văn Lít

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho giai đoạn từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2023	Từ 01/01/2022
			đến 30/06/2023	đến 30/06/2022
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	18.828.209.094	21.740.154.608
Giá vốn hàng bán	11	21	13.257.701.566	16.870.570.683
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5.570.507.528	4.869.583.925
Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	2.690.315	1.653.611
Chi phí tài chính	22	23	2.603.001.369	2.074.679.358
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2.603.001.369	2.074.679.358
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	3.404.003.574	3.500.427.444
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(433.807.100)	(703.869.266)
Thu nhập khác	31		-	1.340.163.336
Chi phí khác	32	25	144.156.329	377.801.716
Lợi nhuận khác	40		(144.156.329)	962.361.620
Lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(577.963.429)	258.492.354
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		23.486.050	127.258.813
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(601.449.479)	131.233.541
Lãi/lỗ cơ bản trên cổ phiếu	70		(401)	87

Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2023

Người lập biểu

Lê Thị Chi

Kế toán trưởng

Vũ Hoàng Tùng

Tổng Giám đốc



Hoàng Văn Lít

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho giai đoạn từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
VND			
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	24.571.532.431	20.319.057.866
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2	(27.837.367.076)	(15.746.969.248)
Tiền chi trả cho người lao động	3	(5.989.811.239)	(4.842.893.173)
Tiền lãi vay đã trả	4	(2.546.397.107)	(2.074.679.358)
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp	5	(251.601.966)	(680.300.151)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	19.427.085.100	6.185.324.670
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(6.084.875.781)	(3.622.864.499)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.288.564.362	(463.323.893)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.690.315	916.497
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	2.690.315	916.497
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ đi vay	33	31.023.931.709	15.069.022.710
Tiền trả nợ gốc vay	34	(30.470.177.984)	(15.768.227.430)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	553.753.725	(699.204.720)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	1.845.008.402	(1.161.612.116)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	2.299.221.132	1.540.009.145
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(1.331)	737.114
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4.144.228.203	379.134.143

Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2023

Người lập biểu

Lê Thị Chi

Kế toán trưởng

Vũ Hoàng Tùng

Tổng Giám đốc



Hoàng Văn Lít

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm Cơ điện được thành lập từ việc cổ phần hóa Công ty Lắp máy và Thí nghiệm Cơ điện thuộc Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam theo Quyết định số 54/QĐ-BXD ngày 08/01/2004 của Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần lần đầu số 0100106458 ngày 05/03/2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 14/05/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: số 434 - 436 Nguyễn Trãi - phường Trung Văn - quận Nam Từ Liêm - thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 15.000.000.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 là: 73 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 88 người).

1.2 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sửa chữa máy móc, thiết bị; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Xây dựng nhà để ở; Xây dựng nhà không để ở; Xây dựng công trình đường sắt;
- Xây dựng công trình đường bộ; Xây dựng công trình công ích khác;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch. Báo cáo tài chính này được lập cho giai đoạn từ 01/01/2023 đến 30/06/2023.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp được hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản có tính thanh khoản cao là các khoản có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc chuyển đổi giá trị của các khoản này.

3.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

3.5 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá thực tế đích danh.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3.5 HÀNG TỒN KHO (TIẾP)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
- Máy móc, thiết bị	06 - 10
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
- Thiết bị văn phòng	03 - 10
- Tài sản cố định khác	04 - 25
- Quyền sử dụng đất không thời hạn	Không trích khấu hao

3.7 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị còn lại của những công cụ, dụng cụ không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định và các khoản chi phí khác được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai với thời hạn sử dụng trên một năm. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh, sử dụng theo phương pháp đường thẳng theo các qui định kế toán hiện hành. Các chi phí trả trước dài hạn khác có thời gian phân bổ không quá 03 năm.

3.8 NỢ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hoá, dịch vụ.
- Phải trả khác bao gồm các khoản phải trả không mang tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán hàng hoá, dịch vụ.

3.9 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Vay và nợ thuê tài chính là các khoản đi vay. Các khoản đi vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ; theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính và theo nguyên tệ (nếu có). Các khoản có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản vay đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3.10 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Trường hợp khoản vốn vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hóa cho tài sản dở dang đó sẽ được xác định là chi phí đi vay thực tế phát sinh từ các khoản vay trừ (-) đi các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của các khoản vay này.

Các khoản chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.11 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chi phí phải trả của Công ty là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

3.12 GHI NHẬN DOANH THU VÀ CHI PHÍ

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

Doanh thu từ hoạt động xây lắp

- Đối với các công trình đã nghiệm thu hoàn thành theo từng hạng mục công trình hoặc toàn bộ công trình, doanh thu được ghi nhận trên cơ sở xác nhận giá trị khối lượng hoàn thành, quyết toán giá trị A - B có xác nhận của chủ đầu tư.
- Giá vốn được ghi nhận theo từng công trình, hạng mục công trình hoàn thành nghiệm thu trong kỳ tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3.13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế GTGT đầu vào được hạch toán theo phương pháp khấu trừ.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế có thể khác với lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Lợi nhuận chịu thuế được xác định dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh sau khi đã điều chỉnh cho các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản chi phí không được khấu trừ. Việc xác định lợi nhuận chịu thuế và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là 20%.

Các loại thuế khác được thực hiện theo các qui định hiện hành của Nhà nước.

3.14 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Tiền mặt	834.853.828	256.617.774
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.309.374.375	2.042.603.358
	<u>4.144.228.203</u>	<u>2.299.221.132</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN LẮP MÁY – THÍ NGHIỆM CƠ ĐIỆN

Số 434 – 436 Nguyễn Trãi, Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***5 PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	63.934.373.039	(3.460.041.483)	73.630.809.495	(3.460.041.483)
- Công ty TNHH Hiếu Trâm	6.285.501.000	-	6.285.501.000	-
- Công ty TNHH Khánh Hoà Solar Energy	14.470.000.000	-	14.470.000.000	-
- Công ty TNHH QTS Khánh Hoà	-	-	9.260.501.000	-
- Công ty TNHH Thịnh Cường	6.465.000.000	-	6.465.000.000	-
- Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	12.658.911.064	-	21.312.856.777	-
- Công ty Cổ Phần Lilama 69-1	4.730.041.295	-	4.730.041.295	-
- Công ty Cổ Phần Lilama 45-4	73.336.300	(73.336.300)	73.336.300	(73.336.300)
- Công ty Cổ Phần Lilama 18	462.877.429	-	343.395.490	-
- Công ty Cổ Phần Lilama 45-3	360.932.000	(360.932.000)	360.932.000	(360.932.000)
- Công ty Cổ Phần Lilama 5	830.472.447	(830.472.447)	830.472.447	(830.472.447)
- Công ty Cổ Phần Lilama 7	360.932.000	(80.053.884)	646.397.657	(80.053.884)
- Phải thu khách hàng khác	17.236.369.504	(2.115.246.852)	8.852.375.529	(2.115.246.852)
	63.934.373.039	(3.460.041.483)	73.630.809.495	(3.460.041.483)
Phải thu khách hàng là bên liên quan	20.300.973.227	(1.344.794.631)	28.681.894.161	(1.344.794.631)

(Chi tiết tại Thuyết minh số 26)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn		
- Công ty Cổ phần Nguồn lực Việt Nam	238.048.651	238.048.651
- Công ty Cổ phần Tài Nguyên Cấp Quốc Tế	11.524.708.736	11.524.708.736
- Trả trước cho người bán khác	129.000.000	132.514.020
	11.891.757.387	11.895.271.407

7 PHẢI THU KHÁC

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn		
Tạm ứng	3.263.301.694	3.789.674.485
Phải thu khác	5.385.801.162	797.965.278
	8.649.102.856	4.587.639.763

CÔNG TY CỔ PHẦN LẬP MÁY – THÍ NGHIỆM CƠ ĐIỆN

Số 434 – 436 Nguyễn Trãi, Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***8 NỢ XẤU**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Phải thu khách hàng				
<i>Công nợ quá hạn từ 3 năm trở lên</i>				
+ Công ty Cổ phần Đá trắng Yên Bình	1.152.900.680	-	1.152.900.680	-
+ Công ty Cổ phần Lilama 45-3	360.932.000	-	360.932.000	-
+ Công ty Cổ phần Lilama 5	830.472.447	-	830.472.447	-
+ Công ty TNHH Xuân Hiếu	324.419.200	-	324.419.200	-
+ Các khoản khác	1.626.263.924	834.946.768	1.626.263.924	834.946.768
Cộng	4.294.988.251	834.946.768	4.294.988.251	834.946.768

9 HÀNG TỒN KHO

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Nguyên liệu, vật liệu	97.611.820	(3.516.000)	97.611.820	(3.516.000)
- Công cụ, dụng cụ	54.792.272	-	22.791.272	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	23.042.748.978	-	21.259.921.435	-
	23.195.153.070	(3.516.000)	21.380.324.527	(3.516.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN LẬP MÁY – THÍ NGHIỆM CƠ ĐIỆN

Số 434 – 436 Nguyễn Trãi, Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

10 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	TSCĐ HH khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
01/01/2023	4.552.716.170	36.018.666.228	3.108.894.407	160.417.664	877.428.571	44.718.123.040
- Phân loại trong kỳ	43.800.000	648.000.000	-	-	(691.800.000)	-
30/06/2023	4.596.516.170	36.666.666.228	3.108.894.407	160.417.664	185.628.571	44.718.123.040
HAO MÒN LŨY KẾ						
01/01/2023	3.137.597.158	33.377.098.851	2.777.681.981	160.417.664	867.977.144	40.320.772.798
- Khấu hao trong kỳ	118.563.762	764.662.471	-	-	23.062.500	906.288.733
- Phân loại trong kỳ	292.136.556	124.108.061	331.212.426	-	(747.457.043)	-
30/06/2023	3.548.297.476	34.265.869.383	3.108.894.407	160.417.664	143.582.601	41.227.061.531
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
01/01/2023	1.415.119.012	2.641.567.377	331.212.426	-	9.451.427	4.397.350.242
30/06/2023	1.048.218.694	2.400.796.845	-	-	42.045.970	3.491.061.509

Tại ngày 30/06/2023:

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay là: 667.162.193 đồng (Tại ngày 01/01/2023 là 789.506.428 đồng)
 Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 31.430.106.702 đồng (Tại ngày 01/01/2023 là 30.535.946.702 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là quyền sử dụng đất có giá trị là 16.267.626.377 VND tại số 434 và số 436 Nguyễn Trãi, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội theo Hợp đồng mua bán nhà và chuyển quyền sử dụng đất ngày 31/12/2007 với tổng diện tích 341,2 m². Theo đó, toàn bộ là quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên Công ty không thực hiện trích khấu hao đối với tài sản cố định vô hình nêu trên. Trong đó, Quyền sử dụng đất tại số đường 436 Nguyễn Trãi, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội có diện tích 233,4 m² đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Trảng An (Xem thuyết minh số 17).

12 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	123.863.169	120.605.619
	<u>123.863.169</u>	<u>120.605.619</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN LẬP MÁY – THÍ NGHIỆM CƠ ĐIỆN

Số 434 – 436 Nguyễn Trãi, Trung Văn, Quận Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***13 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn				
- Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	118.200.000	118.200.000	78.600.000	78.600.000
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật Sao Mai Việt Nam	38.125.800	38.125.800	23.639.200	23.639.200
- Công ty Cổ phần Nghiên cứu và thí nghiệm điện	1.395.625.244	1.395.625.244	2.353.968.005	2.353.968.005
- Công ty Cổ phần Lilima 3	1.240.824.354	1.240.824.354	1.240.824.354	1.240.824.354
- Phải trả nhà cung cấp khác	1.115.174.765	1.115.174.765	783.823.750	783.823.750
	3.907.950.163	3.907.950.163	4.480.855.309	4.480.855.309
	1.359.024.354	1.359.024.354	1.319.424.354	1.319.424.354

Phải trả người bán là các bên liên quan*(Chi tiết tại Thuyết minh số 26)***14 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2023		Số đã thực nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		30/06/2023	
	VND	Số phải nộp trong kỳ VND	VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND
Phải nộp								
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	1.146.988.728	1.472.749.938	1.874.970.052	744.768.614				
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	678.828.900	1.370.505.412	1.525.490.491	523.843.821				
- Thuế thu nhập cá nhân	418.019.674	23.486.050	251.601.966	189.903.758				
- Thuế thu nhập cá nhân	50.140.154	71.745.964	90.865.083	31.021.035				
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	4.012.512	4.012.512	-				
- Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Lãi vay	56.602.931	-
- Trích trước chi phí tiền lương trong thời gian nghỉ phép	-	147.649.000
- Chi phí phải trả các công trình xây dựng	7.982.143.130	7.982.143.130
	8.038.746.061	8.129.792.130

16 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Bảo hiểm xã hội	2.837.236.299	2.989.645.286
- Bảo hiểm y tế	26.312.553	267.945.427
- Bảo hiểm thất nghiệp	12.510.236	79.597.881
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.858.939.362	1.858.939.362
- Phải trả tạm ứng các đội công trình	19.757.805.143	19.432.948.326
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.792.869.836	5.989.729.489
	30.285.673.429	30.618.805.771

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17 VAY

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm
Vay ngắn hạn	53.575.255.830	53.575.255.830	30.470.177.984	52.726.492.105
<i>Vay ngắn hạn</i>	<i>53.113.805.830</i>	<i>53.113.805.830</i>	<i>30.303.737.984</i>	<i>52.393.612.105</i>
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Trảng An (1)	53.113.805.830	53.113.805.830	30.303.737.984	52.393.612.105
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>461.450.000</i>	<i>461.450.000</i>	<i>166.440.000</i>	<i>332.880.000</i>
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Trảng An (2)	461.450.000	461.450.000	166.440.000	332.880.000
Vay dài hạn	-	-	295.010.000	295.010.000
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Trảng An (2)	-	-	295.010.000	295.010.000
	53.575.255.830	53.575.255.830	30.765.187.984	53.021.502.105

(1) Hợp đồng tín dụng số 1305-LAV-202200456 ngày 29/06/2022 ký kết giữa Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Trảng An với Công ty Cổ phần

- Lắp máy – Thí nghiệm Cơ điện, với các điều kiện chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 60.000.000.000 VNĐ;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, phục vụ sản xuất kinh doanh trong kỳ;
- Thời hạn của hợp đồng: theo từng giấy nhận nợ cụ thể;
- Lãi suất cho vay: quy định trên từng khế ước nhận nợ;

Tài sản đảm bảo là tài sản của Công ty, cụ thể như sau:

- Xe TOYOTA, màu sơn: đen, loại xe: ô tô con, số máy: 101918, số khung: 5860036002, biển số: 30A-314.49 theo giấy đăng ký xe ô tô số 019931 do Phòng cảnh sát giao thông Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 07/09/2014 theo hợp đồng thế chấp Số công chứng 2269.2012/HĐTC; Quyền số 02 TP/CC-SCC tại Phòng Công chứng số 3 TP Hà Nội ngày 11 tháng 05 năm 2012 cùng các Hợp đồng thế chấp sửa đổi bổ sung số 4602.2015/HĐTC (SD,BS); Quyền số 03.TP/CC-SCC/HĐGD tại Phòng Công chứng số 3 TP Hà Nội ngày 21 tháng 09 năm 2015 và Hợp đồng thế chấp sửa đổi, bổ sung lần 2 số 3764.2017/HĐTC(SD,BS); quyền số: 02.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/09/2017.

CÔNG TY CỔ PHẦN LẮP MÁY – THÍ NGHIỆM CƠ ĐIỆN

Số 434 – 436 Nguyễn Trãi, Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17 VAY (TIẾP)

- Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: Số 436 đường Nguyễn Trãi, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 486734; số vào sổ cấp GCN: 1390 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 03/12/2012 đã được xác nhận thay đổi ngày 06/08/2014. Hợp đồng thế chấp số 513/2013 ngày 07 tháng 02 năm 2013 và hợp đồng thế chấp sửa đổi bổ sung số 4216/2015; quyền số 03 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng Công chứng Hà Đông - thành phố Hà Nội ngày 21/09/2015.

- (2) Hợp đồng tín dụng số 1305-LAV-202000820 ngày 11/12/2020 và Hợp đồng tín dụng số 1305-LAV-202000299 ngày 09/06/2020 ký kết giữa Ngân hàng Nông Nghiệp và

Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Tràng An với Công ty Cổ phần Lắp máy – Thí nghiệm Cơ điện, với các điều kiện chi tiết sau:

Hợp đồng tín dụng số 1350-LAV-202000820

- Hạn mức tín dụng: 1.924.125.000 VNĐ;
 - Mục đích vay: Mua sắm đầu tư Tài sản cố định;
 - Thời hạn của hợp đồng: 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên bao gồm thời gian ân hạn;
 - Lãi suất cho vay: cụ thể trên từng giấy nhận nợ;
- Tài sản đảm bảo: Thế chấp chính những tài sản vay (Toàn bộ máy móc, thiết bị thuộc dự án)*

Hợp đồng tín dụng số 1305-LAV-202000299

- Hạn mức tín dụng: 4.019.981.000 VNĐ;
- Mục đích vay: Mua sắm đầu tư Tài sản cố định;
- Thời hạn của hợp đồng: 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên bao gồm thời gian ân hạn;
- Lãi suất cho vay: cụ thể trên từng giấy nhận nợ;

Tài sản đảm bảo: Thế chấp chính những tài sản vay (Toàn bộ máy móc, thiết bị thuộc dự án)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18 VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư	Vốn khác	Cổ phiếu quỹ	Quý đầu tư	Lợi nhuận sau thuế	Tổng cộng
	của chủ sở hữu	của chủ sở hữu		phát triển	chưa phân phối	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2022	15.000.000.000	740.110.441	(544.500)	8.735.125.996	7.104.047.852	31.578.739.789
- Lãi trong năm	-	-	-	-	126.755.766	126.755.766
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	444.528.683	(1.072.323.656)	(627.794.973)
- Giám khác	-	-	-	-	(82.434.546)	(82.434.546)
31/12/2022	15.000.000.000	740.110.441	(544.500)	9.179.654.679	6.076.045.416	30.995.266.036
01/01/2023	15.000.000.000	740.110.441	(544.500)	9.179.654.679	6.076.045.416	30.995.266.036
- Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	(601.449.479)	(601.449.479)
- Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	-	(12.675.577)	(12.675.577)
- Trích lập Quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	-	31.688.941	(31.688.941)	-
30/06/2023	15.000.000.000	740.110.441	(544.500)	9.211.343.620	5.430.231.419	30.381.140.980

(*) Phân phối lợi nhuận năm 2022 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên số 70/2023/NQ-ĐHCD ngày 20/06/2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18.2 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	15.000.000.000	15.000.000.000
+ Vốn góp cuối kỳ	15.000.000.000	15.000.000.000

18.3 CỔ PHIẾU

	30/06/2023 CP	01/01/2023 CP
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.500.000	1.500.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.500.000	1.500.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.500.000	1.500.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	55	55
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	55	55
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.499.945	1.499.945
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.499.945	1.499.945
* <i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	10.000	10.000

18.4 CÁC QUỸ

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
- Quỹ đầu tư phát triển	9.211.343.620	9.179.654.679
Cộng	9.211.343.620	9.179.654.679

19 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản cho thuê ngoài

Công ty hiện đang cho thuê văn phòng theo Hợp đồng cho thuê hoạt động ký kết với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội tại Tầng 1, tòa nhà số 436 đường Nguyễn Trãi, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội với diện tích cho thuê là 202 m2. Thời hạn cho thuê là 05 (năm) năm kể từ ngày 01/07/2019.

b) Ngoại tệ các loại

	30/06/2023	01/01/2023
- Đồng đô la Mỹ (USD)	107,34	113,94

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	18.828.209.094	21.740.154.608
	<u>18.828.209.094</u>	<u>21.740.154.608</u>
Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 26)	9.047.370.959	12.651.528.033

21 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
- Giá vốn hợp đồng xây dựng	13.257.701.566	16.870.570.683
	<u>13.257.701.566</u>	<u>16.870.570.683</u>
Mua hàng từ các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 26)	36.000.000	-

22 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.690.315	916.497
- Lãi chênh lệch tỷ giá	-	737.114
	<u>2.690.315</u>	<u>1.653.611</u>

23 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
- Chi phí lãi vay	2.603.000.038	2.074.679.358
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.331	-
	<u>2.603.001.369</u>	<u>2.074.679.358</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

24 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
- Chi phí nhân viên quản lý	2.174.842.318	2.478.526.867
- Chi phí đồ dùng văn phòng	52.668.936	40.928.082
- Chi phí vật liệu quản lý	38.489.820	-
- Chi phí khấu hao TSCĐ	321.467.389	376.000.356
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	408.991.687	228.694.443
- Chi phí bằng tiền khác	400.530.912	376.277.696
- Thuế, lệ phí	7.012.512	-
	3.404.003.574	3.500.427.444

25 CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
- Các khoản tiền phạt, lãi nộp BHXH	144.156.329	377.801.716
	144.156.329	377.801.716

26 THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

STT Bên liên quan	Mối quan hệ
1 Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	Cổ đông lớn
2 Công ty Cổ phần LILAMA 5	Công ty con của Tổng Công ty Lắp máy Việt nam - CTCP
3 Công ty Cổ phần LILAMA 7	Công ty con của Tổng Công ty Lắp máy Việt nam - CTCP
4 Công ty Cổ phần LILAMA 69-1	Công ty liên kết của Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP
5 Công ty Cổ phần LILAMA 45-4	Công ty liên kết của Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP
6 Công ty Cổ phần LILAMA 18	Công ty liên kết của Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP
7 Công ty Cổ phần LILAMA 45-3	Công ty liên kết của Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP
8 Công ty Cổ phần LILAMA 10	Công ty liên kết của Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP
9 Công ty Cổ phần LILAMA 69-2	Công ty liên kết của Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP
10 Công ty Cổ phần LILAMA 3	Công ty liên kết của Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP

Công ty có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư với các bên liên quan như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

26 THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Giao dịch với các bên liên quan

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Bán hàng	9.047.370.959	12.651.528.033
- Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	7.154.629.571	12.651.528.033
- Công ty Cổ phần LILAMA 18	1.194.819.388	-
- Công ty Cổ phần LILAMA 10	697.922.000	-
Mua hàng	36.000.000	-
- Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	36.000.000	-
Bù trừ công nợ	-	39.600.000
- Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	-	39.600.000

Số dư với các bên liên quan

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	20.300.973.227	28.681.894.161
- Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	12.658.911.064	21.312.856.777
- Công ty Cổ phần LILAMA 69-1	4.730.041.295	4.730.041.295
- Công ty Cổ phần LILAMA 45-4	73.336.300	73.336.300
- Công ty Cổ phần LILAMA 18	462.877.429	343.395.490
- Công ty Cổ phần LILAMA 45-3	360.932.000	360.932.000
- Công ty Cổ phần LILAMA 5	830.472.447	830.472.447
- Công ty Cổ phần LILAMA 7	646.397.657	646.397.657
- Công ty Cổ phần LILAMA 69-2	384.462.195	384.462.195
- Công ty Cổ phần LILAMA 10	153.542.840	-
Phải trả người bán	1.359.024.354	1.319.424.354
- Công ty Cổ phần LILAMA 3	1.240.824.354	1.240.824.354
- Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	118.200.000	78.600.000

Thù lao của Hội đồng quản trị

	Chức danh	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
- Ông Lê Văn Định	Chủ tịch	148.200.000	148.200.000
- Ông Hoàng Văn Lít	Thành viên	33.000.000	33.000.000
- Ông Nguyễn Sỹ Thành	Thành viên	33.000.000	33.000.000
- Ông Vũ Hoàng Tùng	Thành viên	33.000.000	33.000.000
- Ông Vũ Anh Tuấn	Thành viên	33.000.000	33.000.000
		280.200.000	280.200.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

26 THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Thù lao của thành viên Ban kiểm soát

	Chức danh	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
- Ông Lê Tuấn Anh	Trưởng ban	87.000.000	87.000.000
- Bà Lê Thúy Hồng	Thành viên	18.000.000	18.000.000
- Bà Trần Thị Điệp	Thành viên	18.000.000	18.000.000
		123.000.000	123.000.000

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc

	Chức danh	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
- Ông Hoàng Văn Lít	Tổng Giám đốc	121.435.000	108.000.000
- Ông Nguyễn Thành Đại	Phó Tổng Giám đốc	81.310.000	102.000.000
- Ông Nguyễn Sỹ Thành	Phó Tổng Giám đốc	108.810.000	102.000.000
- Ông Vũ Hoàng Tùng	Kế toán trưởng	132.018.000	102.000.000
		443.573.000	414.000.000

27 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán, số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 đã được soát xét.

Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2023

Người lập biểu

Lê Thị Chi

Kế toán trưởng

Vũ Hoàng Tùng

Tổng Giám đốc



Hoàng Văn Lít